

TÍN NGƯỠNG CỦA NGƯỜI HRÊ DƯỚI GÓC NHÌN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG SINH THÁI

Nguyễn Thị Thanh Xuyên⁽¹⁾

(1) Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

Ngày nhận bài 9/6/2023; Ngày gửi phản biện 12/08/2023; Chấp nhận đăng 20/9/2023

Liên hệ email: xuyenthanh27@gmail.com

<https://doi.org/10.37550/tdmu.VJS/2023.06.487>

Tóm tắt

Bài viết này phân tích thế giới quan và tín ngưỡng của người Hre trong duy trì sự cân bằng và hài hòa của đời sống con người và môi trường sinh thái. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp điền dã dân tộc học để khám phá thế giới quan và thực hành tín ngưỡng của người Hre ở tỉnh Quảng Ngãi trong ứng xử bảo vệ môi trường nước, rừng. Do đó, bài viết này nhấn mạnh tầm quan trọng của thực hành tín ngưỡng gắn với mục tiêu đảm bảo cân bằng sinh thái và bảo vệ môi trường. Trong bối cảnh biến đổi kinh tế - xã hội, những tham chiếu về thế giới quan và tín ngưỡng của cộng đồng có giá trị và ý nghĩa quan trọng đối với hoạt động bảo vệ môi trường dựa vào cộng đồng.

Từ khóa: môi trường sinh thái, người Hre, tín ngưỡng và nghi lễ, tỉnh Quảng Ngãi

Abstract

THE BELIEFS OF HRE COMMUNITIES ON ECOLOGICAL ENVIRONMENT PROTECTION PERSPECTIVES

This article analyzes the worldview and beliefs of Hre communities in maintaining balance and harmony in their living and ecological environments. This study employs ethnographic fieldwork methodology to discover the worldview and practices of the Hre ethnic group in Quang Ngai province in protecting water and forest environments. Therefore, this paper emphasizes the role of ritual practices in ecological balance and environmental protection. In the context of economic and social change, the worldview and beliefs of the Hre ethnic group are valued and significant references for environmental protection activities based on communities.

1. Đặt vấn đề

Nghi lễ là một loại cơ cấu điều chỉnh mối quan hệ giữa con người và môi trường sinh thái xung quanh họ như vật nuôi, cây trồng, đất đai (Rappaport, 1969). Sự điều chỉnh này có tác dụng duy trì hệ thống sinh thái tồn tại lâu dài. Hiện nay, trong bối cảnh suy thoái môi trường sinh thái, việc nhận thức về ý nghĩa của tín ngưỡng đối với bảo vệ môi

trường càng trở nên cấp thiết (Okyere-Manu và cs., 2022). Đặc biệt, đối với những cộng đồng tộc người có cội nguồn lịch sử và văn hóa gắn bó mật thiết với hệ thống sinh thái của rừng, đất đai và cảnh quan tự nhiên. Vì vậy, vấn đề sinh thái tín ngưỡng của tộc người có ý nghĩa quan trọng để nhận diện giá trị thiết thực của tôn giáo tín ngưỡng trong bảo vệ môi trường sinh thái.

Người Hrê được biết đến qua một số ghi chép và nghiên cứu dân tộc học từ thế kỉ XIX cho đến nay. Mặc dù nghiên cứu dân tộc học về người Hrê khá khiêm tốn, song những nghiên cứu này đều cho thấy tầm quan trọng của tín ngưỡng và thực hành nghi lễ của người Hrê. Vì tập trung vào miêu thuật dân tộc học, các nghiên cứu này chưa đặt thế giới quan và thực hành tín ngưỡng của người Hrê vào mối quan hệ với môi trường sinh thái. Ghi chép sớm nhất về người Hrê thể hiện trong *Phủ man tạp lục* của Nguyễn Tấn (1871) miêu tả chi tiết về phong tục tập quán, tính cách và văn hóa của người Hrê. Một số nghiên cứu gần đây thể hiện những mảnh ghép khác nhau về làng Hrê, kỹ thuật canh tác ruộng nước, hệ thống thân tộc, quan hệ xã hội (Luu Hùng, 1982, 1983; Nguyễn Xuân Hồng, 2000); hoặc nghiên cứu về văn hóa vật chất (Nguyễn Ngọc Trạch, 2012). Nhìn chung, người Hrê tại Quảng Ngãi có hệ thống quan niệm và thực hành nghi lễ đa dạng, phong phú và khá phức tạp. Tuy nhiên, trong hệ thống này luôn tồn tại mối quan hệ chặt chẽ với hoạt động sản xuất và sinh hoạt thường ngày. Do đó, có thể định vị các thực hành nghi lễ thông qua quan hệ tương tác giữa hoạt động sản xuất và các yếu tố vật chất, xã hội với hoạt động tâm linh. Một số thực hành nghi lễ có ý nghĩa và vai trò quan trọng đối với hoạt động sản xuất, phân công lao động và sức khỏe, gồm nghi lễ liên quan đến sản xuất trồng lúa; nghi lễ trong các sự kiện đặc biệt (cầu sức khỏe, cầu mưa, nghi lễ cúng trời, cúng tổ tiên và cúng cuối năm) và nghi lễ vòng đời người. Những nghi lễ này đều có mối liên hệ cụ thể với những thành tố của môi trường sinh thái, bao gồm động thực vật, ruộng vườn, rừng.

Từ quá trình điền dã dân tộc học tại địa bàn sinh sống của người Hrê ở huyện Minh Long và thị trấn Ba Tơ (tỉnh Quảng Ngãi) vào năm 2018, nghiên cứu này có một số phát hiện về hai loại giá trị cơ bản của thực hành tín ngưỡng là giá trị hiện thực liên quan đến bảo vệ môi trường sinh thái và giá trị biểu tượng phục vụ đời sống tinh thần. Trong bối cảnh hiện nay, sự biến đổi của không gian sinh thái và thực hành tín ngưỡng cùng diễn ra đồng thời có tác động ảnh hưởng lẫn nhau. Điều này cho thấy tính chất quan trọng của tiếp cận sinh thái tín ngưỡng trong bảo vệ môi trường sinh thái thông qua thực hành văn hóa của cộng đồng.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Tiếp cận tân chức năng hệ thống giải thích mối quan hệ giữa sinh thái và tín ngưỡng

Trong thập niên 1960, Rappaport đóng góp một cách nhìn mới về chức năng của nghi lễ là duy trì hoạt động của hệ thống văn hóa trong mối quan hệ với môi trường. Trong công trình “Pigs for the Ancestors: Ritual in the Ecology of a New Guinea People”

(Hiến sinh lợn cho tổ tiên: Nghi lễ trong hệ sinh thái của cộng đồng cư dân ở New Guinea), Rappaport (1968) cho rằng nghi lễ có chức năng duy trì sự cân bằng của môi trường, hạn chế các cuộc chiến tranh đòi đầu thường xuyên, giảm phương hại đến tình trạng sinh tồn của dân cư trong vùng, điều chỉnh tỷ lệ đất dành cho các hộ gia đình, thúc đẩy trao đổi hàng hóa thuận tiện hơn, phân phối lợi ích thu được từ thịt lợn và đảm bảo đáp ứng nhu cầu protein. Đánh giá về ý nghĩa của hành vi nghi lễ trong công trình “Ritual and Religion in the Making of Humanity” của Roy Rappaport, Pesonen (2022) cho rằng thực hành nghi lễ là một loại hành vi có tính nguyên tắc đạo đức môi trường và tính hiệu nghiệm, từ đó thiết lập một cam kết sâu sắc trong hành vi ứng xử với môi trường.

Cũng theo Rappaport, thời gian diễn ra chu kỳ nghi lễ phụ thuộc vào sự thay đổi của tình trạng hệ sinh thái. Với người Maring, trách nhiệm trình diễn nghi lễ kaiko được thực hiện trước khi xảy ra chiến tranh giữa các bộ lạc, nhằm ủng hộ sự tập hợp của binh lính để lấy lại đất đai, hàng hóa. Ngược lại, dấu hiệu chiến tranh kết thúc thể hiện qua nghi lễ trồng cây (rumbim) có tác dụng ngăn chặn chiến tranh cho đến khi được cho phép thực hiện nghi lễ kaiko. Rappaport cho rằng vai trò của nghi lễ hiến sinh lợn là điều chỉnh mối quan hệ giữa con người, lợn nuôi và vườn tược nhằm trực tiếp bảo vệ cuộc sống ổn định của con người trước sự gia tăng của lợn, đồng thời gián tiếp duy trì quá trình mở rộng đất đai đến những khu rừng, đảm bảo cân bằng giữa tỷ lệ đất trồng trọt và đất hoang. Nghi lễ không chỉ là một thành tố hoạt động độc lập mà thực chất nó liên kết với tổ chức xã hội, không gian lãnh thổ, nguồn tài nguyên thiên nhiên và đặc điểm chính trị của các nhóm cư dân. Trong bài viết “The Cultural Ecology of India’s Sacred Cattle” (Sinh thái văn hóa bò thiêng ở Ấn Độ), Marvin Harris cho rằng bò là một bộ phận của hệ sinh thái rộng lớn, liên quan đến yếu tố năng lượng, protein và giá trị kinh tế. Người Ấn theo đạo Hindu tôn thờ bò tuyệt đối và không ăn thịt bò trong thời gian khủng hoảng kinh tế hoặc thiên tai. Nếu trong thời gian hạn hán, mất mùa, người ta ăn thịt bò thì họ sẽ đánh mất nguồn tài nguyên quan trọng để tái sản xuất sau đó. Theo Harris (1992), nghi lễ thờ cúng bò thiêng cũng tạo nên sức ép chính trị dẫn đến sự ra đời của luật cấm giết thịt bò được ban hành ở Ấn Độ đầu thế kỉ XX.

Luận điểm tân chức năng tạo nên cách giải thích mới về hành vi nghi lễ của con người được quyết định bởi hoàn cảnh xã hội. Các nhà tân chức năng tách biệt hành vi nghi lễ ra khỏi yếu tố tinh thần và đức tin, đồng thời nhìn nhận hành vi này trong tính duy lý của mối quan hệ với sinh thái, kinh tế. Trong bối cảnh này, hành vi nghi lễ được soi chiếu dưới tiếp cận toàn thể, phản ánh sự năng động và trải nghiệm trên nhiều chiều cạnh của đời sống xã hội và môi trường (McGraw and Krátký, 2017). Thay vì nhìn nhận tính phổ quát của hành vi tín ngưỡng xuất hiện ở các cộng đồng dân cư, thuyết tân chức năng đề cao tính đặc thù và riêng biệt của thực hành tín ngưỡng nhằm đáp ứng và thích nghi với môi trường và duy trì hệ sinh thái nhân văn. Như vậy, lý thuyết tân chức năng tiếp tục khởi xướng cách thức nghiên cứu ở góc độ vi mô của thực hành văn hóa, đề cao tính quyết định và chi phối hành vi nghi lễ giúp con người thích ứng với bối cảnh xã hội và môi trường. Cả Roy A. Rappaport và Marvin Harris đều có thể được xem như những nhà

duy vật văn hóa và bắt đầu hướng nghiên cứu nghi lễ đến việc giải thích tương tác giữa nghi lễ với hoàn cảnh xã hội, hoạt động kinh tế, tình trạng môi trường sinh thái. Điều này cho thấy hành vi nghi lễ không chỉ tồn tại trong tương quan với môi trường tôn giáo thuần túy hoặc chức năng xã hội mà còn gợi mở sự liên quan trực tiếp đến quá trình phát triển, vận động của xã hội và kiến tạo các mối quan hệ kinh tế, thị trường, hàng hóa.

Do đó, nghiên cứu này vận dụng quan điểm tâm chức năng hệ thống để giải thích quan niệm và thực hành tín ngưỡng của người Hrê trong mối quan hệ với môi trường sinh thái. Với người Hrê, quan niệm tín ngưỡng và thực hành nghi lễ là một cấu thành quan trọng của hệ thống thế giới quan. Tín ngưỡng và nghi lễ không tồn tại độc lập mà có tính liên kết với các thành phần của hệ thống thế giới quan và hệ thống sản xuất, môi trường sinh thái. Tín ngưỡng và nghi lễ cũng tác động đến sự vận hành của hệ thống xã hội (cơ cấu và quyền lực). Những phát hiện của nghiên cứu này thể hiện ý nghĩa thực tiễn và duy lý của hành vi tín ngưỡng trong quá trình bảo vệ môi trường sinh thái và không gian sống của con người.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp điền dã dân tộc, khảo sát tại địa bàn sinh sống của người Hrê ở thị trấn Ba Tơ và huyện Minh Long (tỉnh Quảng Ngãi), bao gồm quan sát tham gia; phỏng vấn sâu già làng và người dân để hiểu rõ quan niệm và thực hành nghi lễ. Quá trình quan sát tham gia và trò chuyện với người dân sinh sống tại các xã thuộc hai huyện trên cung cấp các thông tin giải thích về thế giới quan của người Hrê, quan niệm và thực hành tín ngưỡng trong bảo vệ và duy trì sự cân bằng hài hòa giữa cuộc sống con người với các thành tố của môi trường sinh thái.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Tín ngưỡng của người Hrê từ góc nhìn sinh thái

3.1.1. Sự hài hòa của thế giới quan tôn giáo và môi trường sinh thái

Vũ trụ luận của người Hrê thể hiện phương thức tư duy thực tại cuộc sống thông qua quá trình kiến tạo quan niệm và biểu tượng của mối liên hệ giữa các thế giới: thế giới thần linh - thế giới con người; thế giới của người chết - thế giới của người sống. Đồng thời, người Hrê sử dụng hệ thống biểu tượng để diễn tả và chuyển tải ý nghĩa của vũ trụ luận, bao gồm biểu tượng thần linh, biểu tượng linh hồn.

Vũ trụ luận và hệ thống biểu tượng là cơ sở hình thành nên nhân sinh quan của người Hrê trong ứng xử với môi trường sinh thái. Do đó, thế giới quan tôn giáo chi phối quan niệm và cách ứng xử với môi trường sinh thái, ứng xử với con người trong thực tại và ứng xử với cuộc sống sau khi chết. Ngược lại, nhu cầu khai thác, kiểm soát và sở hữu nguồn lực tự nhiên thúc đẩy quá trình vận dụng các hệ thống biểu tượng tôn giáo nhằm củng cố các quy ước, thỏa thuận bất thành văn giữa những nhóm cộng đồng và làng. Do đó, thế giới quan tôn giáo trở thành một loại “quyền lực mềm” chi phối sự vận hành của quy ước và ứng xử với môi trường sinh thái. Người Hrê quan niệm thế giới gồm ba cõi:

Trời, con người và ma. Thần linh tồn tại trong cả ba thế giới, gồm có thần linh tốt và xấu. Người Hrê thực hành nghi lễ cúng tế thần linh theo chu kỳ của một năm hoặc trong các sự kiện đặc biệt của đời sống cá nhân và cộng đồng.

Quan niệm thần linh được hình thành từ quá trình biểu tượng hóa các hiện tượng và thực thể của tự nhiên trở thành thần núi, thần rừng, thần nước, thần Trời, thần sấm sét. Loại hình sinh kế trồng lúa (lúa rẫy và lúa nước) của người Hrê cần lượng mưa dồi dào và đất đai màu mỡ, tuy nhiên những yếu tố tự nhiên này luôn biến động do điều kiện thời tiết thất thường, nhất là hạn hán hoặc mưa không đều với các diễn biến khó dự đoán tại khu vực thung lũng ven sông suối hoặc đồi núi cao. Do đó, người Hrê luôn quan tâm đến nghi lễ cúng tế thần linh với mong muốn kiểm soát tự nhiên để thu hoạch mùa màng tươi tốt. Với người Hrê, thần Trời, thần sấm sét là hai vị thần quan trọng nhất đối với những người làm nghề trồng lúa. Thần núi và thần sông là những biểu tượng thiêng của cả dân làng cư trú trong một phạm vi nhất định. Quan niệm tín ngưỡng của người Hrê hình thành từ sự cần thiết của nhu cầu cuộc sống, từ đó họ đã biểu tượng hóa những ngọn núi, dòng sông tạo nên tính thiêng, để cuối cùng đi đến sự tôn thờ và bảo vệ ngọn núi, dòng sông đó, trở thành quy tắc ứng xử với môi trường sinh thái của mỗi người. Tôn thờ thần linh cũng là ứng xử văn hóa với tự nhiên nhằm bảo vệ các nguồn lực phục vụ cho cuộc sống.

Mặc dù trong đời sống của người Hrê tồn tại một hệ thống vị thần gắn liền với các thực thể của môi trường sinh thái như núi, rừng, sông, nước, Trời, sấm sét, nhưng sự biểu hiện và ảnh hưởng của thần linh khá nặng về tính duy lý. Vì vậy, không phải ngẫu nhiên tất cả các thực thể đều có linh hồn hay các vị thần tốt - xấu mà thần linh chỉ có ý nghĩa biểu tượng và được cộng đồng thờ cúng khi vị thần đó được gán cho một thực thể có giá trị thiết thực đối với đời sống hằng ngày. Chẳng hạn, các vị thần núi, thần rừng, thần sông đều là biểu tượng của các thực thể liên quan trực tiếp đến sản xuất nông nghiệp trồng lúa nước. Người Hrê tại thôn Hà Bôi, xã Long Hiệp (huyện Minh Long, Quảng Ngãi) cho rằng hai vị thần quan trọng nhất ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống dân làng, đó là thần núi, tượng trưng cho vị thần cai quản của một đơn vị cư trú nhất định, tại đó người Hrê lấy nguồn nước và ngọn núi làm ranh giới, cụ thể là thần núi Mòng Gà, tọa lạc ở hướng Đông, đây là nơi có rừng rậm che chở với địa thế cao và nguồn nước dồi dào; thần núi Ba Rinh tọa lạc ở hướng Tây Nam, cũng là nơi khởi nguồn của dòng nước chảy xuống ruộng đồng của dân làng. Vì vậy, người Hrê tôn thờ thần núi Mòng Gà và thần núi Ba Rinh vì hai vị thần này liên quan đến dòng chảy của nước, nơi xuất phát của nguồn nước giữ vai trò quan trọng đối với hoạt động trồng trọt. Người Hrê nâng cấp cho vị thần núi này một đẳng cấp rất cao trong hệ thống thần linh để khẳng định tính linh thiêng của đầu nguồn nước và ngăn cấm sự xâm hại của con người làm ô uế và ảnh hưởng xấu đến hướng của dòng chảy. Ngoài ra các thần linh khác cũng tượng trưng cho các yếu tố liên quan đến sản xuất nông nghiệp là thần sấm sét, thần nước, thần lúa. Người Hrê gọi tên các thần linh này theo ý nghĩa biểu kiến của các hiện tượng tự nhiên. Do vậy, cách quan niệm về hệ thống thần linh của người Hrê có ý nghĩa duy lý liên quan trực tiếp đến đời sống sản xuất và những thành tố cụ thể của sản xuất nông nghiệp.

Trước đây, cuộc sống của người Hrê tiềm ẩn nhiều nguy cơ và rủi ro bệnh tật, thời tiết diễn biến phức tạp, thường xuyên thiếu đói và khan hiếm lương thực thực phẩm, do đó, họ hình tượng hóa mơ ước và những điều tốt đẹp thông qua biểu tượng của các vị thần và những điều xấu xa, nguy hại đến cuộc sống con người thông qua hình ảnh của ma quỷ. Như vậy, thế giới thần linh và ma quỷ tượng trưng cho hai mặt tốt đẹp và xấu xa trong cuộc sống của người Hrê. Đây thực chất là cách thức hệ thống hóa và phân chia thế giới qua biểu tượng, thể hiện tâm thế hài hòa của người Hrê đối với môi trường sinh thái.

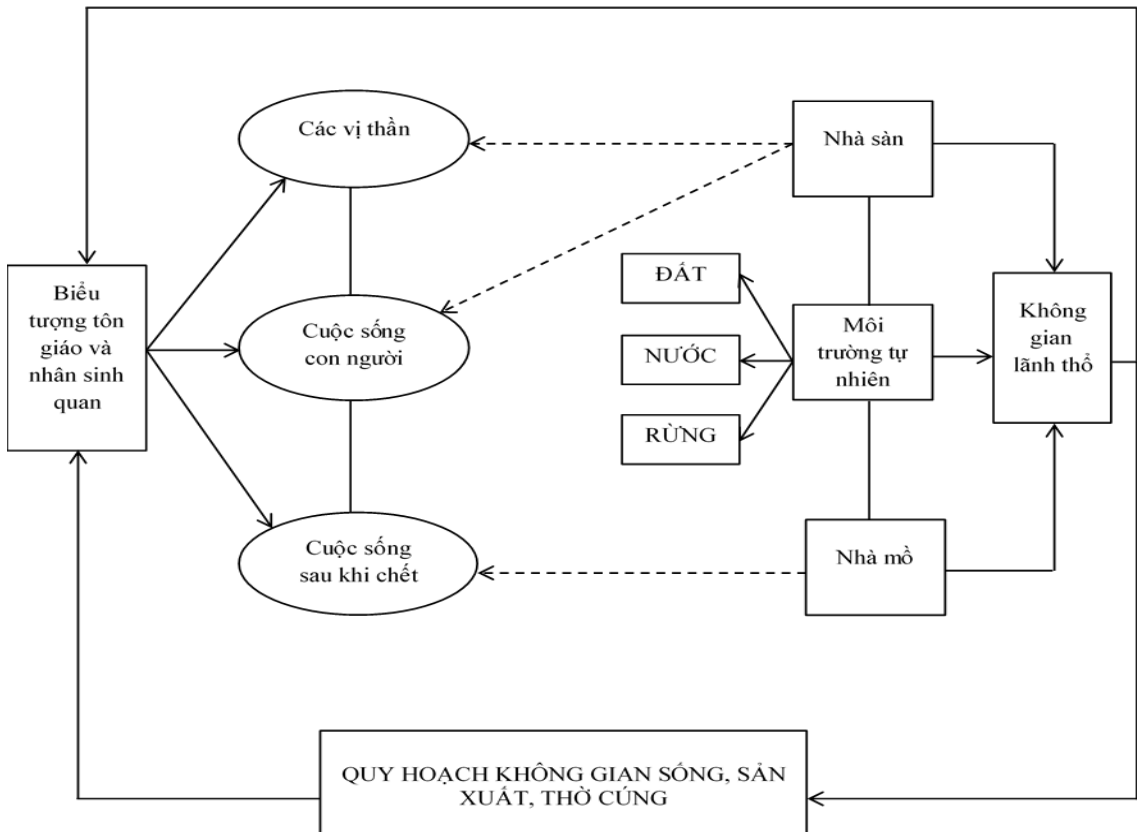
Bảng 1. Quan niệm về biểu tượng thần linh trong không gian sống và sản xuất của người Hrê (Tổng hợp từ tư liệu điền dã, năm 2018)

STT	Biểu tượng thần linh	Nơi chốn gắn liền với biểu tượng thần linh	Ý nghĩa của sự liên kết giữa biểu tượng thần linh và không gian sống và sản xuất
1	Thần rừng	Rừng già, rừng nguyên sinh, rừng có nhiều cây to, sinh lầy và ít người lui tới hoặc trong tổng thể khu rừng nói chung (không gọi là rừng thiêng)	Sự tôn thờ thần rừng tồn tại song song với những cấm kỵ xâm phạm và khai thác rừng già; thỏa thuận quy ước khai thác rừng giữa các làng, tránh xung đột và tranh chấp. Đặc biệt là bảo vệ các cây gỗ lớn ở rừng già, qua đó tăng cường ý thức bảo vệ rừng.
2	Thần sông/suối	Thần linh ở đầu nguồn con suối hoặc ở nhánh sông suối đổ về ruộng và bến nước/giếng nước	Việc đề cao nguồn nước và xây dựng biểu tượng thần linh sông/suối có tác dụng tích cực đối với việc bảo vệ và khai thác nguồn nước → người Hrê không làm thay đổi dòng nước và địa thế của sông suối mà tìm cách thích nghi như làm ruộng bậc thang ở hạ lưu, làm ruộng lúa ở nơi thấp hơn dòng chảy của suối bằng cách đào mương và chia nước.
3	Thần linh nước mạch	Thần linh của các dòng nước chảy ngầm bên dưới lòng đất hoặc dòng chảy trực tiếp đến bến nước/giếng nước.	Mỗi làng sử dụng nguồn nước nào trong sinh hoạt, ăn uống thì bảo vệ nguồn nước đó bằng cách tôn thờ thần linh của mạch nước và nghiêm cấm các làng sử dụng chung mạch nước
4	Thần linh giếng nước/bến nước	Thần linh tại bến nước/giếng nước của làng	Mỗi làng đều có một bến nước/giếng nước phục vụ cho sinh hoạt. Việc tôn thờ thần linh đi cùng với việc bảo vệ, gìn giữ cho bến nước/giếng nước sạch sẽ, không để cho các loại rác rưởi, ô uế xâm hại bến nước.
5	Thần cây	Thần linh của cây cối, nhất là những cây đa to, cây cổ thụ trong rừng già hoặc ở gần nơi sinh sống	Bảo vệ cây cối và cảnh quan tự nhiên bằng các kiêng kỵ và tôn thờ thần linh của cây
6	Thần lửa	Thần linh xuất hiện tại địa điểm con người đốt lửa, đốt phát rẫy	Trước đây, vào mỗi năm, người Hrê bỏ hóa nương rẫy và tìm kiếm những mảnh đất mới để phát rẫy, đốt rẫy và tria lúa. Họ tôn thờ thần lửa tại những mảnh đất rẫy mới phát và thực hiện những nghi lễ cúng phức tạp. Điều này giúp bảo vệ nương rẫy mới phát và tránh tranh chấp, hái trộm rau quả.
7	Thần lúa	Thần linh của cây lúa	Cúng lúa theo chu kỳ sinh trưởng của cây lúa nhằm bảo vệ cây lúa và đồng ruộng

Người Hrê vận dụng hệ thống biểu tượng của thế giới tôn giáo về thần linh và thực thể siêu nhiên nhằm tạo nên các quy ước thiêng liêng trong bảo vệ rừng, nguồn nước, đất đai. Biểu tượng của thế giới quan tôn giáo là phương tiện giúp họ đạt được sự cân bằng và thỏa thuận giữa các làng và nhóm cư dân trong quá trình khai thác môi trường sinh thái. Có thể thấy rằng thế giới quan tôn giáo của người Hrê vừa có ý nghĩa chi phối đến hoạt động thực tiễn vừa có tác dụng bảo vệ và tăng cường tính chất ổn định của các quy ước trong thực hành lao động, sản xuất và duy trì mối quan hệ giữa các làng, các xóm và các hộ gia đình khi cùng sử dụng một nguồn lợi tự nhiên.

Có thể tổng kết về thế giới quan và nhân sinh quan của người Hrê trong ứng xử với môi trường sinh thái theo sơ đồ dưới đây, bao gồm:

- Vũ trụ luận và thế giới quan tôn giáo.
- Hệ thống biểu tượng tôn giáo và nhân sinh.
- Vận dụng biểu tượng tôn giáo trong việc thiết lập các quy ước, cấm kỵ và ứng xử với môi trường sinh thái.
- Khai thác, sử dụng và tái tạo nguồn lực tự nhiên dựa trên sự tôn trọng hệ thống biểu tượng tôn giáo.
- Tôn trọng sự hài hòa giữa con người với môi trường sinh thái.



Sơ đồ 1. Mối quan hệ của thế giới quan tôn giáo và môi trường sinh thái
(Nguồn: Hệ thống hóa từ tư liệu điền dã, năm 2018)

3.1.2. Tín ngưỡng của người Hrê đối với sử dụng và bảo vệ nguồn nước

Người Hrê kiến tạo không gian lãnh thổ, nơi sản xuất, nhà ở nhằm chung sống hài hòa với môi trường sinh thái, thích nghi với điều kiện khí hậu khắc nghiệt, tận dụng các lợi thế của đất, nước phục vụ cho mục đích sản xuất và sinh hoạt hằng ngày. Cách ứng xử của người Hrê với môi trường sinh thái thông qua việc lựa chọn nơi ở, sản xuất, xây dựng các công trình tưới tiêu, mương nước phản ánh quan điểm lấy môi trường sinh thái làm trung tâm cho việc khai thác và tái tạo các nguồn lực tự nhiên.

Người Hrê có kỹ thuật điều hướng và chia dòng nước rất độc đáo nhằm tận dụng lợi thế của nguồn nước tự nhiên và đảm bảo mọi thành viên trong cộng đồng đều được tiếp cận nước để sản xuất và sinh hoạt. Để sử dụng nước trong trồng trọt, người Hrê quan sát hình thái của dòng chảy, độ dốc của con suối và địa thế của các khu vực gần nơi cư trú để chọn ra nơi làm ruộng phù hợp. Thông thường, với những con suối có độ dốc, người Hrê sẽ tìm cách đào mương dẫn nước chảy về đồng ruộng. Từ việc chọn lựa địa thế của ruộng lúa ở thấp hơn so với dòng chảy, người Hrê tận dụng lợi thế tự nhiên này để khoanh vùng làm ruộng lúa, thiết lập hệ thống mương nước. Theo tư liệu phỏng vấn hồi cố của ông Phạm Văn R., trước đây người Hrê ở làng Teng (xã Ba Thành, Ba Tơ, Quảng Ngãi) thường đào mương ven sườn núi để dẫn nước về ruộng hoặc sử dụng các ống tre to nối vào nhau để dẫn nước về làng dùng cho hoạt động sinh hoạt. Đặc biệt, ở những nơi có hệ thống ruộng bậc thang, hình thái của dòng chảy được nghiên cứu một cách kỹ lưỡng trước khi thiết kế ruộng bậc thang. Tương tự với cách thiết lập ruộng nước, ruộng bậc thang cũng được chọn tại địa điểm gần hạ lưu của con suối. Người Hrê tiến hành đào mương trên những ngọn đồi để dẫn nước và đắp ruộng ở hạ lưu, sau đó làm ruộng thoải xuống dần dần phù hợp hình dạng của ngọn đồi. Nhà ở và chuồng chăn nuôi gia súc cũng được bố trí gần các mương nước và trục đường chính.

Tiếp theo, dẫn nước từ đầu nguồn về làng là hoạt động quan trọng nhất giúp ổn định cuộc sống và gia tăng năng suất lúa. Người Hrê phân nhánh dòng chảy và chia nhỏ thành các mạch nước chảy về bến nước và ruộng của làng, do đó, mỗi làng uống mạch nước nào sẽ thờ cúng thần linh ở mạch nước đó. Họ tôn thờ thần linh nước mạch và thực hành nghi lễ cúng hằng năm. Với người Hrê, thần linh của các dòng nước được tôn sùng mạnh mẽ và có vai trò quan trọng trong đời sống hằng ngày. Cho đến tận ngày nay, thần linh của các dòng nước, thần linh nước mạch vẫn còn được người Hrê tôn sùng bằng các thực hành nghi lễ theo chu kỳ hằng năm. Thờ cúng thần linh nước mạch không chỉ có ý nghĩa đảm bảo chỗ dựa tinh thần mà còn tạo nên những quy tắc ngầm trong việc bảo tồn nguồn nước và mạch nước của mỗi làng. Họ quy định mạch nước là sở hữu thiêng liêng của làng và không cho phép người làng khác can thiệp vào mạch nước của làng mình. Bên cạnh đó, người Hrê còn cho rằng nếu hơn một làng dùng chung một mạch nước sẽ bị thần linh quở phạt gây bệnh tật, ốm đau.

Với người Hrê, các mạch nước và con suối đều có thần linh cai quản, ai uống dòng nước nào thì phải cúng thần linh ở dòng nước đó. Trước và khi đào mương dẫn nước hoặc

trong quá trình sử dụng nước, người Hrê đều thực hiện nghi lễ cúng tế có tính chất chu kỳ. Điều này không chỉ thể hiện sự ngưỡng vọng đối với thần linh mà còn có ý nghĩa đánh dấu một mạch nước, một con suối thuộc sở hữu của một làng. Vì vậy, các nghi lễ cúng tế có giá trị xác nhận và tạo thành quy ước riêng trong sở hữu và sử dụng nguồn nước.

Ngoài việc thờ thần linh ở các mạch nước và con suối, người Hrê cũng thờ thần linh ở giếng nước và bến nước. Đây là những công trình sinh hoạt quan trọng của các xóm trong làng. Một vài xóm sử dụng chung giếng nước và thực hành nghi lễ thờ thần của giếng nước theo chu kỳ. Khác với mạch nước và con suối, giếng nước và bến nước là công trình được thiết kế để trữ nước dùng cho sinh hoạt hằng ngày, do đó ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của các cá nhân, do đó người Hrê càng tin rằng cần thiết phải dành sự tôn trọng cho thần linh của giếng nước bằng cách cùng nhau bảo vệ giếng nước và nghiêm cấm các hành vi xâm hại, giữ gìn vệ sinh, thiết lập các kiêng kỵ trong sử dụng nước và cúng tế. Mặc dù họ thiết lập các quy ước bảo vệ các công trình phục vụ sản xuất và sinh hoạt, dòng suối và rừng nhưng họ không cúng tế và quản lý đầu nguồn nước vì đó là sở hữu chung của các làng.

Mạch nước là sở hữu thiêng liêng của làng, không cho phép người làng khác can thiệp

Tin rằng nếu các làng dùng chung nguồn nước mà không có sự phân chia công bằng sẽ dẫn đến sự ô uế, thần linh quở phạt

Quy ước riêng trong sở hữu và sử dụng nguồn nước:

- + Dẫn nước từ đầu nguồn về làng
- + Phân nhánh dòng chảy, chia nhỏ các mạch nước chảy về bến nước và ruộng
- + Phân chia và tự quản lý nguồn nước theo mỗi gia đình
- + Chủ động bảo vệ nguồn nước, giữ gìn vệ sinh, không để rác thải xâm phạm, không cho người lạ, người làng khác can thiệp

Bảo vệ mạch nước, nguồn sống thiết yếu, giúp ổn định đời sống và gia tăng năng suất lúa

Xác lập mối liên kết giữa tính thiêng của mạch nước, yếu tố sở hữu nguồn nước, quy ước cộng đồng và bảo vệ môi trường sinh thái

Sơ đồ 2. Thờ cúng thần linh nước mạch và quy định bảo vệ nguồn nước
(Nguồn: Tổng hợp từ tư liệu điền dã, năm 2018)

3.1.3. Tín ngưỡng của người Hrê đối với bảo vệ rừng đầu nguồn

Trên các ngọn đồi, là khu vực dành cho nương rẫy. Đây là khu vực luôn được bảo vệ cẩn thận trong suốt mùa rẫy kể từ giai đoạn chặt, phát đốt rẫy, tria lúa cho đến khi thu hoạch. Sau đó, họ bỏ hoang khu đất và mỗi năm tiến hành phát các rẫy kế tiếp nhau để trồng lúa hoặc cây rau quả. Một hộ gia đình có thể có nhiều rẫy và giữa các gia đình thường không xảy ra tranh chấp đất rẫy. Quá trình trồng trọt ở khu vực đất rẫy chủ yếu phụ thuộc vào các điều kiện tự nhiên, do đó người Hrê cần đến các thực hành nghi lễ để giữ vững niềm tin và hỗ trợ tâm lý. Từ đó nảy sinh nhu cầu thờ cúng thần linh của rẫy, thần lửa, thần lúa và các vị thần khác. Theo đó, các kiêng kỵ cũng được thiết lập đối với hoạt động đốt rẫy, tria lúa và thu hoạch. Với niềm tin mỗi nương rẫy đều có các vị thần cai quản, người ngoài không dám xâm hại và lấn chiếm. Vì thế, mỗi gia đình đều chọn một khoảnh đất riêng biệt và cách xa nhau để phát rẫy.

Trên cái nhìn tổng thể, các công trình phục vụ sinh hoạt và sản xuất đều kết nối với nguồn nước, rộng hơn là rừng già, rừng đầu nguồn, nơi có nguồn nước dự trữ. Người Hrê không cho phép phá rừng đầu nguồn, rừng già hoặc những khu rừng có sinh lầy. Họ cho rằng rừng già là nơi “con voi đầm, con heo tập trung sinh sống, nhiều cây cổ thụ to, cây đa to” và cũng là nơi có “thần Vu-ca-dip (dưới hình dạng của con rết), thần voi, thần núi và thần rừng cai quản” (PVS, ông Phạm Văn R., thị trấn Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi).

Tóm lại, từ việc xây dựng một hệ thống biểu tượng về thần linh gắn liền với không gian, bối cảnh tự nhiên, các công trình dân sinh, người Hrê đã kiến tạo thế giới quan tôn giáo kết hợp với quan điểm và thực hành bảo vệ nguồn tài nguyên thiên nhiên. Do đó, việc sắp xếp không gian, quy hoạch và thiết kế các công trình dân sinh đều có tính liên kết trực tiếp với thế giới quan tôn giáo nhằm hướng đến mục đích đảm bảo an toàn và gìn giữ các nguồn lợi phục vụ cho sản xuất. Có thể thấy rằng thế giới quan tôn giáo của người Hrê vừa có ý nghĩa chi phối đến hoạt động thực tiễn vừa có tác dụng bảo vệ và tăng cường tính chất ổn định của các quy ước trong thực hành lao động, sản xuất và duy trì mối quan hệ giữa các làng, các xóm và các hộ gia đình khi cùng sử dụng một nguồn lợi tự nhiên.

3.2. Một số thảo luận về tác động của biến đổi tín ngưỡng đến quan niệm và thực hành ứng xử với môi trường sinh thái

Từ việc nhận diện một số thay đổi về quan niệm, thực hành nghi lễ và phong tục tập quán, có thể cho phép kết luận một vài xu hướng biến đổi hiện nay như sau:

i) Xu hướng giảm các nghi lễ liên quan đến trồng trọt (cây lúa và các cây trồng khác trên nương rẫy), lựa chọn các giải pháp kỹ thuật để tăng năng suất và đảm bảo cây trồng phát triển tốt, thích ứng với hoàn cảnh khí hậu và môi trường hiện nay, từ đó có thể giảm bớt tâm lý lo âu trước bất lợi của thời tiết.

ii) Quan tâm đến lợi ích kinh tế trong sinh hoạt nghi lễ song song với tính cộng cảm của thực hành nghi lễ

iii) Duy trì các tập tục cũ như tục chia của, cúng ồm đầu, hiến tế động vật bên cạnh các giải pháp mang tính hiện đại cho vấn đề sức khỏe như khám bệnh, uống thuốc và cho vấn đề sản xuất như ứng dụng khoa học kỹ thuật vào trồng trọt.

Tóm lại, niềm tin và thực hành nghi lễ của người Hrê thể hiện ba cơ cấu nền tảng: i) khía cạnh văn hóa - xã hội; ii) khía cạnh môi trường sinh thái; iii) khía cạnh sinh học - tâm lý. Niềm tin và thực hành nghi lễ thể hiện thái độ ứng xử với môi trường sinh thái, môi trường xã hội để đạt được mục đích tái tạo, thay đổi và chuyển hóa các yếu tố cũ không phù hợp. Tính chất của thực hành nghi lễ theo chu kỳ cũng phản ánh tính thường xuyên, liên tục của thực hành văn hóa hằng ngày, trong đó một số thực hành văn hóa này khá thiên về tính duy lý. Trong bối cảnh hiện nay, trong đời sống tâm linh của người Hrê đang diễn ra quá trình chuyển đổi quan niệm và thực hành nghi lễ, phong tục tập quán và thực hành văn hóa - tri thức liên quan đến hoạt động thờ cúng dưới tác động của bối cảnh phát triển nông thôn mới và giao lưu văn hóa - xã hội với các tộc người khác. Điều này thể hiện tính thích ứng và thay đổi của hành vi nghi lễ, phù hợp và đáp ứng biến động của cơ cấu kinh tế - xã hội.

Sự biến đổi về kinh tế - xã hội và quy hoạch không gian sống đã ảnh hưởng đến quan niệm và thực hành tín ngưỡng của người Hrê. Trước hết, những con đường ở thôn xã được mở rộng, xây mới, tạo nên những mạch đường xuyên suốt nối liền giữa các thôn xã vùng xa với trung tâm thị trấn. Các nương nước được sắp xếp điều chỉnh lại cho phù hợp với trục đường chính và ruộng lúa. Hiện nay, người Hrê sử dụng nguồn nước từ các giếng bơm khi đến mùa khô thiếu nước. Do đó, dòng nước đã thay đổi, các làng có thể sử dụng chung một mạch nước khi sản xuất trồng trọt. Việc sử dụng nước sạch cũng tác động đến sự thay đổi nhận thức và thói quen sử dụng nguồn nước tự nhiên. Tính chất phân biệt rạch ròi trong sử dụng nước giữa các làng không còn nữa, thay vào đó vấn đề sử dụng nước trong sinh hoạt và sản xuất chịu sự quản lý chung của thôn xã. Tiếp theo, quá trình chuyển đổi nương rẫy sang trồng keo làm gia tăng việc mở rộng đất rừng trong sản xuất, từ đó dẫn đến việc thay đổi thói quen khai thác rừng và phai mờ các tập tục kiêng cử đối với rừng.

Khi các làng cùng sử dụng chung nguồn nước và không còn phân chia việc sở hữu và quản lý theo cách truyền thống, các kiêng kỵ liên quan đến thần linh và thực hành thờ cúng cũng phai nhạt theo thời gian. Nhiều làng có thể sử dụng chung một mạch nước và cùng cúng thần linh của mạch nước đó. Mặc dù cách thức cúng tế và quan niệm thay đổi, song tầm quan trọng của nguồn nước cùng với ý nghĩa của biểu tượng thần linh vẫn còn tồn tại dai dẳng trong tâm thức và thực hành tôn giáo của cộng đồng. Thần linh của các dòng nước là biểu tượng có tính nhất quán của người Hrê sinh sống tại thung lũng, gần sông suối, khi đó nước trở thành nguồn tài nguyên thiết yếu trong cuộc sống của họ.

Từ sự biến đổi của không gian lãnh thổ đã phá vỡ tính hệ thống của chu kỳ nghi lễ trong sinh hoạt và sản xuất. Sự xuất hiện rời rạc và lẻ tẻ của những “mảnh vụn” tín ngưỡng, nghi lễ truyền thống trong không gian sống và sản xuất là một minh chứng cho

thấy sự tồn tại yếu ớt của tập quán cũ và dần dần bị biến đổi trước quá trình xâm lấn của các yếu tố văn hóa mới. Một số biểu tượng tôn giáo đã từng là nền tảng cho cơ cấu quản lý làng, quy tắc, quy ước mang tính thỏa thuận bất thành văn trong việc bảo vệ rừng đầu nguồn, sông suối như thần rừng, thần sông, thần cây đã dần dần phai nhạt. Cơ cấu quản lý và công cụ kỹ thuật mang lại nhận thức mới và tăng cường khả năng khai thác môi trường sinh thái dựa trên tư duy lý tính. Do đó, trên phạm vi cộng đồng, một số quy ước cũ không còn là điểm tựa cho nhân sinh quan hiện đại của người Hre.

Trong bối cảnh xã hội truyền thống, các biểu tượng tôn giáo liên quan đến không gian sản xuất, sinh hoạt và thờ cúng có ý nghĩa quan trọng đối với việc tạo dựng những quy ước cấm kỵ trong vận hành luật tục, có tác dụng kiểm soát và quản lý cộng đồng. Với góc độ hẹp, quan niệm và thực hành tín ngưỡng có ý nghĩa thực dụng và duy lý nhằm hỗ trợ cho sự ổn định của cộng đồng trong khai thác và tái tạo môi trường sinh thái. Đồng thời, nó cũng hỗ trợ cho quá trình vận hành cấu trúc làng, dòng họ và gia đình. Giữa việc thiết lập các quy ước bảo vệ môi trường theo tập quán truyền thống và việc xây dựng quan niệm về vũ trụ, biểu tượng tôn giáo là mối quan hệ hai chiều. Từ đó có tác dụng củng cố và định hình đặc điểm của văn hóa ứng xử với môi trường sinh thái trong bối cảnh xã hội truyền thống. Hiện nay, bối cảnh kinh tế - xã hội mới đã tác động đến các yếu tố vật chất và tinh thần, sự thay đổi về quan niệm và thói quen khai thác nguồn lực tự nhiên theo hướng tận dụng, cạnh tranh hơn là dựa trên lợi ích của cộng đồng. Sự biến mất của không gian rừng thiêng, rừng đầu nguồn, và các nghi lễ liên quan đến chu kỳ sản xuất khiến cho các thành tố văn hóa ứng xử biến đổi theo nhiều chiều hướng khác nhau, hay nói cách khác là thiếu vắng và nhạt nhòa của các biểu tượng tôn giáo và không gian thiêng làm nền tảng cho thực hành và ứng xử bảo vệ môi trường sinh thái.

4. Kết luận

Đối với người Hre, tín ngưỡng là một hệ thống của thế giới quan và quy tắc ứng xử hài hòa giữa con người và môi trường. Thế giới quan về thần linh và các thực hành nghi lễ liên quan đến nguồn nước, rừng, đồng ruộng đều thể hiện ý nghĩa bảo vệ môi trường sinh thái, môi trường sản xuất và cuộc sống hằng ngày. Do đó, những quy ước của cộng đồng và thực hành tín ngưỡng là nền tảng duy trì hệ sinh thái. Hiện nay, những biến đổi về kinh tế - xã hội, môi trường đã tác động đến thực hành tín ngưỡng của người Hre trong không gian sinh hoạt và sản xuất. Một mặt, những biến đổi này ảnh hưởng đến thế giới quan, đặc biệt là tính thiêng của rừng và dòng nước. Sự thay đổi về thế giới quan dẫn đến sự phá vỡ quy tắc và cấm kỵ, từ đó, đánh mất chỗ nương tựa của hành vi bảo vệ môi trường dựa trên quy ước của cộng đồng. Mặt khác, sự biến đổi này đặt ra việc nhìn nhận lại vai trò của thế giới quan tôn giáo trong bảo vệ môi trường, tính chất duy lý của thế giới quan và giá trị cân bằng sinh thái dựa trên thực hành văn hóa của cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Harris, M. (1992). The Cultural Ecology Cattle of India's Sacred. *Current Anthropology*, 33(1), 261-276. Retrieved from <http://www.jstor.org/stable/2743946>.
- [2] Lưu Hùng (1982). Vài suy nghĩ về hoạt động kinh tế ruộng của đồng bào Hrê. *Tạp chí Dân tộc học*, 3, 26-33.
- [3] Lưu Hùng (1983). Góp phần nghiên cứu tính song hệ ở dân tộc Hrê. *Tạp chí Dân tộc học*, 3, 38-42
- [4] McGraw, J.J. and Krátký, J. (2017). Ritual ecology. *Journal of Material Culture*, 22(2), 237-257. DOI: 10.1177/1359183517704881
- [5] Nguyễn Ngọc Trạch (2012) (chủ biên). *Nhà ở và nghề dệt truyền thống của dân tộc Hrê*. Đài Phát thanh truyền hình thành phố Quảng Ngãi.
- [6] Nguyễn Xuân Hồng chủ biên (2000). *Văn hóa các dân tộc thiểu số tỉnh Bình Định*. NXB Thuận Hóa, Huế.
- [7] Okyere-Manu, B., Morgan, S.N., and Nwosimiri, O. (2022). Cultural, ethical, and religious perspectives on environment preservation. *Best Practice & Research Clinical Obstetrics & Gynaecology*, 85, 94-104.
- [8] Pesonen, H. (2022). Innovation, adaptation and maintaining the balance: Roy Rappaport's ritual theory as a framework for interpreting religious environmental rituals. *Approaching Religion*, 12(3), 16-31. <https://doi.org/10.30664/ar.112793>
- [9] Rappaport, R. A. (1968). *Pigs for the Ancestors: Ritual in the Ecology of a New Guinea People*. New Haven and London: Yale University Press